

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc sửa đổi Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghệ  
đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 372/QĐ-ĐHQGHN ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc công nhận Hội đồng Trường Đại học Công nghệ nhiệm kỳ 2022-2027;

Căn cứ Nghị quyết số 985/NQ-HĐT ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Công nghệ về việc ban hành Quy chế tạm thời về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 03 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng Trường Đại học Công nghệ về Phiên họp lần thứ chín của Hội đồng Trường Đại học Công nghệ nhiệm kỳ 2022-2027.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi một số chỉ tiêu trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghệ đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045. Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghệ đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045 sau sửa đổi như trong văn bản đính kèm.

**Điều 2.** Hội đồng trường, Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Đảng ủy, Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, HĐT, LD34.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
CHỦ TỊCH



GS. TSKH. Nguyễn Đình Đức

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ  
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số *07*/NQ-HĐT ngày *10* tháng *4* năm 2024  
của Hội đồng Trường Đại học Công nghệ)



## MỤC LỤC

1 BỐI CẢNH.....	3
1.1 Quốc tế.....	3
1.2 Trong nước.....	3
2 SỨ MẠNG VÀ TẦM NHÌN.....	5
2.1 Sứ mạng.....	5
2.2 Tầm nhìn 2045.....	5
2.3 Triết lý giáo dục.....	5
2.4 Giá trị cốt lõi và Khẩu hiệu hành động.....	6
3 QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN.....	6
4 MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC.....	7
4.1 Mục tiêu chung.....	7
4.2 Mục tiêu cụ thể.....	7
5 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM.....	8
5.1 Đào tạo.....	8
5.2 Khoa học và công nghệ.....	9
5.3 Tổ chức, đội ngũ và quản trị đại học.....	10
5.4 Hội nhập quốc tế.....	10
6 CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN.....	10
6.1 Hoàn thiện mô hình tổ chức và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao.....	10
6.2 Gia tăng, đa dạng hóa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.....	11
6.3 Nâng cao hiệu quả các hoạt động hợp tác phát triển.....	12
6.4 Đổi mới quản trị đại học.....	12
6.5 Chú trọng tăng cường cơ sở vật chất nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy và nghiên cứu, nhanh chóng xây dựng tại Khu đô thị đại học Hòa Lạc.....	13
7 TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	13
7.1 Trường Đại học Công nghệ.....	13
7.2 Các đơn vị.....	14
PHỤ LỤC 1: BẢNG CHỈ TIÊU CHIẾN LƯỢC.....	15

# 1 BỐI CẢNH

## 1.1 Quốc tế

Toàn cầu hóa là một tất yếu phát triển của thế giới hiện đại, đặc biệt trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Việc hợp tác và chia sẻ các nguồn lực thiên nhiên, nguồn lực con người giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ thông qua toàn cầu hóa trở nên thuận lợi hơn, đơn giản hơn. Ranh giới quốc gia, vùng lãnh thổ trong một số lĩnh vực có thể bị phai nhòa do quá trình hội nhập và toàn cầu hóa. Sự hưng thịnh bền vững của một quốc gia chỉ có thể đạt được khi quốc gia đó xây dựng thành công mô hình kinh tế tri thức, với chìa khóa là nền khoa học công nghệ tiên tiến trên nền tảng hệ thống quản trị hiệu quả và nguồn nhân lực bậc cao.

Trước xu thế đó, giáo dục đại học giữ vai trò rất quan trọng trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia. Hơn lúc nào hết, vai trò sáng tạo, dẫn dắt và truyền bá của giáo dục đại học được đề cao nhằm tạo ra sản phẩm nhân lực cũng như các thành tựu khoa học vượt trội, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế tri thức. Bản thân giáo dục đại học cũng bị quá trình toàn cầu hóa chi phối thông qua sự dịch chuyển người học giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ, đòi hỏi hợp tác quốc tế sâu rộng trong trao đổi học thuật và nhân lực, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo nghiên cứu và thương mại hoá các kết quả nghiên cứu khoa học.

Giáo dục đại học đang trong thời kỳ hưng thịnh của xu thế quốc tế hóa, đặc biệt trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Nhiều đại học hàng đầu trên thế giới, với thế mạnh vốn có về thương hiệu, tài chính, hệ thống quản trị hiệu quả, cùng với sự ủng hộ của chính phủ thông qua các chính sách nhập cư đã vươn lên trở thành trung tâm học thuật và sáng tạo của Thế giới. Nhiều đại học ở Châu Á – điển hình là Đại học Quốc gia Singapore, Đại học Tokyo, Đại học Seoul, Đại học Khoa học Công nghệ Hongkong – đã nắm bắt xu thế quốc tế hóa trong đào tạo đại học, với đầu tư hiệu quả của chính phủ cũng như khu vực công nghiệp, kết hợp hệ thống quản trị hiện đại, hiệu quả đã trở thành nơi thu hút và đào tạo nhân lực bậc cao của khu vực, đóng góp đáng kể cho sự phát triển bền vững của quốc gia của họ.

## 1.2 Trong nước

Sau hơn 35 năm đổi mới và hội nhập quốc tế, kinh tế, xã hội, khoa học công nghệ của nước ta đã có những thay đổi vượt bậc. Tuy nhiên, chúng ta đang phải đương đầu với các thách thức cốt lõi như chất lượng nguồn nhân lực, trình độ phát triển của khoa học công nghệ, chất lượng tăng trưởng kinh tế xã hội. Đại hội 13

của Đảng tiếp tục xác định phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Phát triển khoa học công nghệ cùng với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được xác định là yếu tố then chốt để đưa kinh tế Việt Nam vượt qua những yếu kém hiện tại, tiến tới xây dựng nền kinh tế tri thức. Trọng trách này được đặt lên hệ thống giáo dục Việt Nam thể hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII: *"Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới."*

Với sự ảnh hưởng của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, bên cạnh đổi mới phương pháp giảng dạy và quản trị đại học, các trường đại học trong nước cũng đã nhanh chóng bắt tay vào việc xây dựng các chương trình đào tạo mới, đầu tư các hướng nghiên cứu mới. Bên cạnh đó, vấn đề tự chủ đại học cũng được Luật Giáo dục đề cập từ năm 2005 với nội dung tương tự quan niệm của các nước phát triển, tái khẳng định tại Luật Giáo dục năm 2012 và được Chính phủ thúc đẩy trong những năm gần đây nhằm tăng cường tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động học thuật cũng như công tác điều hành của các trường đại học để phát triển thành các trường tầm cỡ khu vực và quốc tế. Cuối năm 2018, Luật giáo dục đại học đã được sửa đổi, có nhiều thay đổi căn bản về quản trị đại học, và tự chủ đại học đã được đưa vào Luật.

Chiến lược phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2035 cũng đặt mục tiêu phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội "Trở thành đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực, đạt các tiêu chí cơ bản của đại học nghiên cứu và đổi mới sáng tạo; phấn đấu đến năm 2025, ĐHQGHN thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu châu Á hoặc nhóm 500 đại học hàng đầu thế giới; đến năm 2030 thuộc nhóm 300 đại học hàng đầu thế giới."

Từ năm 2022, Đại học Quốc gia Hà Nội đã chuyển toàn bộ hoạt động của Nhà điều hành và triển khai đưa gần 2000 sinh viên năm thứ nhất lên học tại Hòa Lạc và năm 2023 có khoảng 6000 sinh viên học tập trên Hòa Lạc. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và hệ thống các phòng thí nghiệm đã được chuyển dần lên Hòa Lạc.

Đây là những nhân tố mới, quan trọng, là cơ sở để xây dựng Chiến lược phát triển của Trường Đại học Công nghệ trong giai đoạn từ nay tới năm 2035 và tầm nhìn tới năm 2045 để đạt được mục tiêu kiên định là Trường Đại học Công nghệ sẽ trở thành cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong cả nước trên cả ba tiêu chí: tiên phong, sáng tạo và dẫn dắt trong đào tạo nguồn nhân lực bậc cao và khoa học công nghệ tiên tiến.

## **2 SỨ MẠNG VÀ TẦM NHÌN**

### **2.1 Sứ mạng**

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu phát triển và ứng dụng các lĩnh vực khoa học – công nghệ tiên tiến; tiên phong tiếp cận chuẩn mực giáo dục đại học khu vực và Thế giới, đóng góp tích cực vào sự phát triển nền kinh tế và xã hội tri thức của đất nước.

### **2.2 Tầm nhìn 2045**

Duy trì vị thế một trường đại học kỹ thuật công nghệ hàng đầu trong nước, nằm trong nhóm các trường đại học tiên tiến ở Châu Á; một trung tâm xuất sắc, đi đầu trong đào tạo tài năng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

### **2.3 Triết lý giáo dục**

#### **Sáng tạo và vun đắp giá trị nhân văn của công nghệ**

Creating and cultivating the human value of technology

Mục tiêu giáo dục của đại học định hướng nghiên cứu không chỉ để tiếp cận tri thức và công nghệ tiên tiến mà còn nâng cao năng lực sáng tạo tri thức và công nghệ mới, định hướng áp dụng công nghệ vì nhân sinh và phát triển bền vững; góp phần hình thành thế hệ công dân mới có năng lực và trách nhiệm phụng sự xã hội.

## 2.4 Giá trị cốt lõi và Khẩu hiệu hành động

### – Giá trị cốt lõi

<b>Đổi mới sáng tạo</b>	Đổi mới sáng tạo vừa là phương thức, mục tiêu, động lực và tư duy phát triển của Trường Đại học Công nghệ. Văn hoá đổi mới sáng tạo định hướng mô hình tăng trưởng và xác định chất lượng của Nhà trường.
<b>Hợp tác</b>	Hợp tác Trường - Viện - Doanh nghiệp, giá trị của Trường ngay từ những ngày đầu Nhà trường được thành lập, được phát triển toàn diện với các bên liên quan trong hệ sinh thái đại học đổi mới sáng tạo, là cơ chế thúc đẩy đổi mới sáng tạo.
<b>Chất lượng cao</b>	Chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài là sứ mạng của đại học định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Trường Đại học Công nghệ không chỉ cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có năng lực sáng tạo, tri thức và tài sản trí tuệ mà còn cả thể hệ khởi nghiệp mới.
<b>Nhân văn</b>	Nhân văn là truyền thống, giá trị và sức mạnh của Nhà trường; góp phần kết nối và gia tăng các nguồn lực hữu hình và vô hình.

### – Khẩu hiệu hành động

- Tiếng Việt: “**Sáng tạo - Tiên phong - Chất lượng cao**”.
- Tiếng Anh: “**Innovative Thinking for the Future**”.

## 3 QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Phát triển phù hợp với chủ trương, chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục, khoa học và công nghệ của đất nước, chiến lược phát triển chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Là một trung tâm quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trên các lĩnh vực khoa học công nghệ tiên tiến của cả nước và khu vực, gắn với phát triển bền vững, thực hiện trách nhiệm xã hội,

- trách nhiệm quốc gia, và phù hợp với xu thế tự chủ đại học.
- Nghiên cứu và phát triển các công nghệ cao, công nghệ liên ngành, tiếp cận với trình độ và chuẩn mực quốc tế và các sản phẩm ứng dụng dựa trên nền tảng khoa học cơ bản và công nghệ tiên tiến của Thế giới.
  - Phát triển giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học vị nhân sinh, là nguồn cung ứng nhân lực chất lượng cao và tri thức khoa học công nghệ quan trọng phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững kinh tế xã hội của đất nước.
  - Từng bước mở rộng quy mô và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường tại Khu đô thị đại học Hòa Lạc.
  - Hướng đến thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc tại Việt Nam (SDGs), bao gồm: 1: Xóa nghèo, 2: Không còn nạn đói, 3: Sức khỏe và có cuộc sống tốt, 4: Giáo dục có chất lượng, 5: Bình đẳng giới, 6: Nước sạch và vệ sinh, 7: Năng lượng sạch với giá thành hợp lý, 8: Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế, 9: Công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng, 10: Giảm bất bình đẳng, 11: Các thành phố và cộng đồng bền vững, 12: Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm, 13: Hành động về khí hậu, 14: Tài nguyên và môi trường biển, 15: Tài nguyên và môi trường trên đất liền, 16: Hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ, 17: Quan hệ đối tác vì các mục tiêu. Phân kỳ theo thời gian phát triển của Nhà trường, Trường ĐHCN tập trung thực hiện một số mục tiêu gắn chặt với đặc thù hoạt động của Nhà trường bao gồm các mục tiêu: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 17.

## 4 MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

### 4.1 Mục tiêu chung

Duy trì vị thế một trường đại học nghiên cứu và đổi mới sáng tạo hàng đầu trong lĩnh vực khoa học và ứng dụng công nghệ của Việt Nam, đạt các tiêu chí của đại học nghiên cứu tiên tiến của Châu Á, trong đó có một số lĩnh vực, ngành và chuyên ngành đạt chuẩn mực trình độ quốc tế, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

### 4.2 Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực công nghệ tiên tiến phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội tri thức của đất nước. Phấn đấu đạt các chuẩn mực chất lượng đào tạo tương đương các trường đại học có uy tín trong khu vực và quốc tế.



Triển khai các hoạt động đào tạo gắn liền với nghiên cứu khoa học, đào tạo gắn liền với nhu cầu xã hội nhằm cung cấp nguồn lực chất lượng cao. Phát triển quy mô các bậc và loại hình đào tạo hợp lý, cân đối theo tiêu chí của đại học nghiên cứu và đổi mới sáng tạo tiên tiến.

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước. Phát triển nghiên cứu công nghệ lõi, công nghệ nền trên cơ sở khoa học cơ bản và định hướng công nghệ xanh; phát triển và ứng dụng công nghệ tích hợp liên ngành, công nghệ hàng không vũ trụ, công nghệ cao trong nông nghiệp; tiến tới phát triển một số sản phẩm công nghệ quốc gia ứng dụng trong thực tiễn, chuyển giao và thương mại hoá. Hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh có trường phái và vị thế khoa học cao, hội nhập khu vực và quốc tế. Hợp tác hiệu quả, bền vững trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước.
- Một số lĩnh vực của Nhà trường nằm trong bảng xếp hạng 200-300 thế giới vào năm 2035.
- Phát triển môi trường đại học chuyên nghiệp, văn minh, hiện đại. Tạo lập được môi trường giáo dục đại học chuyên nghiệp, văn minh, hiện đại là một thể thống nhất hữu cơ của tất cả các mặt hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu và dịch vụ. Xây dựng thành công đại học số và mô hình quản trị hiện đại.
- Triển khai thành công và hiệu quả mô hình tự chủ đại học.
- Mở rộng quy mô và cơ sở vật chất, hệ thống phòng thí nghiệm của Nhà trường tại Khu đô thị đại học Hòa Lạc.
- Các hoạt động của Nhà trường được gắn kết với thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc tại Việt Nam (SDGs).

## 5 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

### 5.1 Đào tạo

- Duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo, gắn chặt nội dung đào tạo với nhu cầu xã hội, đảm bảo khả năng có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp. Phát triển ngành, chuyên ngành đào tạo của Trường một cách linh hoạt, phù hợp với quy hoạch đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội và xu hướng phát triển của xã hội trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; chú trọng đào tạo tài năng, chất lượng cao.
- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo theo hướng xã hội hóa nhằm một mặt

đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội, mặt khác khai thác một cách hiệu quả tiềm năng phát triển của Trường (đào tạo liên kết quốc tế, đào tạo ngắn hạn, đào tạo theo đặt hàng của nhà tuyển dụng...).

- Mở rộng quy mô đào tạo ở các bậc, đặc biệt là quy mô đào tạo đại học và tiến sĩ. Thúc đẩy hoạt động liên kết đào tạo quốc tế với các đối tác nước ngoài có uy tín.
- Mở rộng cơ cấu ngành nghề đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học. Xây dựng các ngành mới là trụ cột của công nghiệp hóa như bán dẫn và vi mạch, cơ khí, chế tạo máy, khoa học và công nghệ sự sống, đồng thời phát triển nhanh các ngành phục vụ cách mạng công nghiệp 4.0, dựa trên các ngành cốt lõi và truyền thống, có thế mạnh của Nhà trường như công nghệ tài chính (fintech), công nghệ logistics, thiết kế công nghiệp và đồ họa,... và các ngành liên quan đến quản lý, quản trị các lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.
- Thí điểm các mô hình, phương thức đào tạo, kiểm tra đánh giá và công tác người học hiện đại phù hợp với đặc thù kỹ thuật và công nghệ của Nhà trường.
- Từng bước triển khai hiệu quả và đồng bộ hoạt động đào tạo và quản lý sinh viên tại Khu đô thị đại học Hòa Lạc.
- Đẩy mạnh ảnh hưởng của Nhà trường trong giáo dục STEM, công nghệ, kỹ thuật ra các cơ sở giáo dục đại học và các trường phổ thông trung học.

## **5.2 Khoa học và công nghệ**

- Quy hoạch hệ thống các phòng thí nghiệm và đầu tư cơ sở hạ tầng gắn với nhóm nghiên cứu mạnh và nhóm sản phẩm khoa học công nghệ trọng điểm. Tập trung phát triển một số sản phẩm khoa học có tầm ảnh hưởng cao (sản phẩm quốc gia) nhằm khẳng định vị thế và tạo đà phát triển.
- Xúc tiến thành lập phòng thí nghiệm hợp tác quốc tế nhằm gia tăng tiềm lực khoa học công nghệ và nhanh chóng tiếp cận trình độ quốc tế.
- Xây dựng cơ chế đặc thù, tập trung ưu tiên xây dựng một số nhóm nghiên cứu mạnh cấp quốc gia, quốc tế; tiên phong đi đầu trong một số lĩnh vực khoa học công nghệ mũi nhọn của quốc gia.
- Thành lập doanh nghiệp khoa học công nghệ để thực hiện các hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, phối hợp phát triển sản phẩm ứng dụng, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp của cán bộ và sinh viên; thúc đẩy các hoạt động liên sở hữu trí tuệ.
- Tích cực triển khai hệ thống phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu và đào tạo của Trường tại Khu đô thị đại học Hòa Lạc.

### **5.3 Tổ chức, đội ngũ và quản trị đại học**

- Triển khai mô hình tự chủ đại học phù hợp với mô hình, điều kiện và lộ trình của Đại học Quốc gia Hà Nội và Luật giáo dục đại học.
- Triển khai đồng bộ hệ thống quản trị đại học nhằm phát triển Trường Đại học Công nghệ theo mô hình đại học tự chủ, số hóa hiện đại.
- Từng bước triển khai mô hình các trường, viện trực thuộc trong Trường Đại học Công nghệ.
- Phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ cao và chuyên nghiệp, phù hợp với quy mô đào tạo và nghiên cứu của Trường. Xây dựng cơ chế đặc thù thu hút nhân tài và thu hút các tiến sĩ trẻ.

### **5.4 Hội nhập quốc tế**

- Nâng cao mức độ quốc tế hóa các chương trình đào tạo, đặc biệt là những chương trình đào tạo chất lượng cao; thu hút sinh viên quốc tế tới học tập, nghiên cứu. Đẩy mạnh liên kết đào tạo quốc tế.
- Tăng cường kết nối với các hoạt động khoa học và công nghệ quốc tế; xây dựng cơ chế đặc thù thu hút chuyên gia nước ngoài đến thỉnh giảng và tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học.
- Ưu tiên và chú trọng phát triển môi trường nghiên cứu và học thuật có tính quốc tế; tập trung xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, các nhóm nghiên cứu quốc tế, các phòng thí nghiệm phối hợp với các tập đoàn công nghiệp lớn trong và ngoài nước nhằm gia tăng tiềm lực khoa học và công nghệ của Trường.

## **6 CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN**

### **6.1 Hoàn thiện mô hình tổ chức và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao**

- Triển khai rà soát, điều chỉnh, sắp xếp lại và phát triển cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường theo hướng đại học nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đảm bảo quy mô hợp lý góp phần gia tăng giá trị và yếu tố cạnh tranh của các đơn vị và nâng cao tính chuyên nghiệp trên các mặt hoạt động của Trường.
- Có lộ trình phù hợp để chuyển đổi một số khoa thành trường hoặc viện trực thuộc; Tăng cường phân cấp, giao quyền tự chủ hơn nữa cho các đơn vị trực thuộc, đặc biệt là các đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài



khoản riêng. Rà soát, bổ sung, cải tiến các quy trình quản lý, nâng cao tính chuyên nghiệp, kế hoạch trong công tác quản lý và điều hành; rà soát, ban hành và triển khai thực hiện các quy định kiểm soát chất lượng hoạt động nội bộ.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các chính sách, cơ chế thống nhất về quản lý, phục vụ, đặc biệt về tài chính để khuyến khích thúc đẩy việc hình thành một cách bền vững môi trường đào tạo và nghiên cứu tích cực. Xây dựng và áp dụng các tiêu chí đánh giá cán bộ, giảng viên theo hướng tăng dần trọng số đánh giá về thành tích hoạt động nghiên cứu khoa học.
- Tuyển dụng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học theo hướng thu hút nguồn lực trình độ cao bên cạnh chủ động khai thác tốt các nguồn lực của Nhà trường để đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ khoa học đầu ngành thông qua hoạt động nghiên cứu tích cực. Xây dựng cơ chế đặc thù thu hút nhân tài, thu hút các tiến sĩ trẻ.
- Ưu tiên tập trung xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh và nhóm nghiên cứu quốc tế; chú trọng đầu tư cho các hướng nghiên cứu mới, tiên tiến.

## **6.2 Gia tăng, đa dạng hóa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực**

- Tiếp tục xây dựng các giải pháp khai thác, mở rộng và sử dụng hiệu quả nguồn đầu tư công để tăng cường năng lực, quy mô nguồn nhân lực, cơ sở vật chất cũng như chất lượng và quy mô người học (sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh).
- Xây dựng chính sách học phí linh hoạt, đa dạng, phù hợp với chất lượng dịch vụ, chất lượng đào tạo cung cấp cho người học thông qua các loại hình, chương trình, hình thức và nội dung đào tạo. Gia tăng hợp lý tỷ lệ sinh viên tham gia các chương trình đào tạo vận hành theo định mức kinh tế-kỹ thuật.
- Tăng cường thu hút các đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ, các đề tài, dự án hợp tác tài trợ với các đối tác trong và ngoài nước để tạo nguồn lực cho các hoạt động khoa học công nghệ.
- Đẩy mạnh hợp tác, lựa chọn nguồn đầu tư ngoài ngân sách vào các loại hình đào tạo, nghiên cứu phát triển theo phương châm chia sẻ lợi nhuận và trách nhiệm.
- Mở rộng và phát triển các loại hình dịch vụ thông qua các hoạt động: đào tạo (đào tạo nâng cao, đào tạo liên kết quốc tế, đào tạo theo nhu cầu...); cung cấp và phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động Quỹ phát triển Trường Đại học Công nghệ và

thành lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ của Nhà trường.

- Kết nối và phát huy nguồn lực của Hội cựu sinh viên.
- Đẩy mạnh vận động tài trợ từ các địa phương, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

### **6.3 Nâng cao hiệu quả các hoạt động hợp tác phát triển**

- Xây dựng môi trường, cơ chế, thủ tục và chính sách phù hợp để phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước trên nguyên tắc các bên cùng có lợi, nhằm thu hút và mở rộng thêm nguồn lực phát triển cho Trường. Thúc đẩy mạnh và nhanh mô hình hợp tác trường - viện - doanh nghiệp, không chỉ chú trọng mục tiêu đào tạo chất lượng cao và nghiên cứu thuần túy mà còn chủ động kết nối với thị trường công nghiệp nhằm chuyển hóa nhanh chóng những tri thức và kết quả nghiên cứu vào ứng dụng trong đời sống, tạo ra nguồn lực cho trường và xã hội.
- Thiết lập cơ chế cho phép xây dựng và tái cấu trúc các trung tâm, các phòng thí nghiệm và các nhóm nghiên cứu một cách linh hoạt và nhanh chóng và hiệu quả cao nhằm thực thi các nhiệm vụ, các dự án hợp tác nghiên cứu và phát triển quan trọng của Trường và của Đại học Quốc gia Hà Nội với hiệu quả cao. Các trung tâm, phòng thí nghiệm, và các nhóm nghiên cứu chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện và theo dõi các dự án để đạt được kết quả tốt nhất, góp phần xây dựng các mối quan hệ hợp tác phát triển với các đối tác một cách bền vững, lâu dài.

### **6.4 Đổi mới quản trị đại học**

- Xây dựng và ban hành quy chế quản lý nội bộ quy định một cách rõ ràng về quyền hạn và trách nhiệm của các cấp quản lý từ trường, các khoa, đến các bộ môn. Các cấp quản lý, các đơn vị và cá nhân sẽ ý thức rõ về vai trò, tính tự chủ và phạm vi hoạt động nhằm thực hiện thông suốt các nhiệm vụ của Trường, đồng thời hạn chế tối đa tình trạng thiếu thông tin, thiếu quyết đoán, thiếu tính chịu trách nhiệm, kém hiệu quả và kém hiệu lực trong công việc.
- Xây dựng chính sách đặc thù thu hút nhân tài và chính sách đãi ngộ cán bộ dựa trên năng lực, kết quả và đóng góp của mỗi cá nhân. Chính sách đãi ngộ công bằng, đúng người, đúng việc sẽ tạo động lực cho cán bộ cam kết, gắn bó và tiếp tục cống hiến cho trường.
- Tạo dựng văn hóa và quy chuẩn làm việc chuyên nghiệp dựa trên những giá trị cốt lõi của trường, trong đó tính trách nhiệm, tính cam kết với công



việc và văn hóa hoàn thành công việc đúng thời hạn.

- Thực hiện số hóa triệt để các công tác điều hành, quản lý cũng như các quy trình nghiệp vụ thường xuyên. Các hệ thống, dịch vụ thông tin hiện tại sẽ được nâng cấp và kết nối tạo thành một hệ thống hợp nhất và thông suốt nhằm hỗ trợ tối đa các công tác quản lý, điều hành và các hoạt động ở mọi khía cạnh của Trường.
- Tạo dựng uy tín và quảng bá hình ảnh trước cộng đồng, công chúng về Trường Đại học Công nghệ. Xây dựng tốt thương hiệu của Nhà trường để các thế hệ cán bộ, giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên luôn thấy tự hào về ngôi nhà chung, đồng thời tăng khả năng thu hút được nhiều người tài, sinh viên giỏi, cũng như mở rộng và nâng cao nguồn lực của trường bền vững và lâu dài.
- Xây dựng mô hình tự chủ đại học bền vững và phù hợp với Luật giáo dục đại học và các quy định của Nhà nước và Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### **6.5 Chú trọng tăng cường cơ sở vật chất nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy và nghiên cứu, nhanh chóng xây dựng tại Khu đô thị đại học Hòa Lạc**

- Tập trung và phát huy nguồn lực một cách hiệu quả; đầu tư, phát triển cơ sở vật chất, hệ thống giảng đường và các phòng thí nghiệm trọng điểm tại Khu đô thị đại học Hòa Lạc, phù hợp với kế hoạch chung của ĐHQGHN.

### **7 TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **7.1 Trường Đại học Công nghệ**

- Báo cáo và đề nghị Đại học Quốc gia Hà Nội quan tâm phê duyệt đề án tự chủ đại học của trường và tạo điều kiện để nhà trường thực hiện thành công Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghệ đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2045.
- Chỉ đạo tổ chức xây dựng Kế hoạch chiến lược để xác định các chỉ tiêu phù hợp với lộ trình Chiến lược.
- Chỉ đạo và kiểm tra, giám sát các đơn vị xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược phát triển của đơn vị phù hợp với định hướng và các nội dung của Chiến lược phát triển của Nhà trường.
- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các đơn vị thực hiện Chiến lược theo lộ trình quy định. Đánh giá, điều chỉnh và bổ sung các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với bối cảnh và yêu cầu phát triển của Nhà trường.



## 7.2 Các đơn vị

- Phổ biến sâu rộng các nội dung của Chiến lược đến tất cả các bộ phận trong đơn vị và toàn thể công chức, viên chức, người lao động, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh để tăng cường sự đồng thuận trong từng tập thể và toàn trường, nêu cao quyết tâm thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển vì lợi ích chung của Nhà trường.
- Xây dựng Chiến lược phát triển và các kế hoạch tương ứng của đơn vị phù hợp với Chiến lược phát triển và các kế hoạch của Trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt. Chiến lược phát triển của mỗi đơn vị phải là một phần cấu thành hữu cơ của Chiến lược phát triển chung của Trường.
- Chủ động huy động các nguồn lực để thực hiện kế hoạch nhằm đạt được các chỉ tiêu đề ra.
- Định kỳ báo cáo trường thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và kiến nghị điều chỉnh, các chỉ tiêu kế hoạch cho phù hợp với thực tiễn của đơn vị.

## PHỤ LỤC 1: BẢNG CHỈ TIÊU CHIẾN LƯỢC

Tiêu chí		Chỉ tiêu			
		Năm	2024	2030	2035
<b>I. Đào tạo</b>					
<b>1.1</b>	<b>Chỉ tiêu tuyển sinh (người)</b>	<b>3180</b>	<b>4300</b>	<b>5200</b>	<b>7500</b>
	Đại học	3000	4000	4500	6000
	Thạc sĩ	150	200	500	1000
	Tiến sĩ	30	100	200	500
<b>1.2</b>	<b>Quy mô đào tạo (người)</b>	<b>9040</b>	<b>15500</b>	<b>20600</b>	<b>30000</b>
	Cử nhân/Kỹ sư	8500	14500	18000	25500
	Thạc sĩ	240	400	1000	2000
	Tiến sĩ	100	300	600	1500
	Đào tạo liên kết quốc tế (đại học, sau đại học)	200	300	1000	1000
<b>1.3</b>	<b>Đào tạo kỹ sư và sau đại học</b>				
	Tỷ lệ quy mô đào tạo kỹ sư/thạc sĩ trên tổng quy mô đào tạo chính quy	35%	35%	35%	35%
	Tỷ lệ sinh viên liên kết quốc tế/ tổng quy mô đào tạo	1,2%	2%	2%	2%
	Giải thưởng khoa học quốc gia, quốc tế của sinh viên, học sinh (giải thưởng)	10	20	50	100
	Giải thưởng Olympic/NCKH sinh viên cấp trường, cấp ĐHQGHN và tương đương	30	50	100	200
<b>1.4</b>	<b>Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ khoa học</b>				
	Thành lập và phát triển đơn vị (so với 2023)	0	+3	+3	+5
	<b>Tổng số cán bộ</b>	<b>350</b>	<b>850</b>	<b>1200</b>	<b>1800</b>
	Tỷ lệ cán bộ khoa học/ Tổng số cán bộ	75% (265)	75% (640)	75% (900)	75% (1350)
	Tỷ lệ sinh viên chính quy, học viên cao học, nghiên cứu sinh/ cán bộ khoa học cơ hữu (quy đổi)	17/1	17/1	17/1	17/1
	Tỷ lệ tiến sĩ, tiến sĩ khoa học/tổng số cán bộ khoa học	60% (160)	85% (544)	85% (765)	85% (1150)
	Tỷ lệ giáo sư, phó giáo sư/ tổng số cán bộ khoa học	17% (45)	25% (136)	30% (230)	30% (345)
<b>1.5</b>	<b>Nâng cao khả năng có việc làm cho sinh viên</b>				
	Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng nghề sau khi tốt nghiệp một năm	95%	95%	95%	95%
<b>2. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức</b>					
<b>2.1</b>	<b>Số bài báo khoa học (tạp chí, hội nghị)/năm</b>	<b>510</b>	<b>1480</b>	<b>2080</b>	<b>3070</b>
	Số bài báo thuộc danh mục WoS/SCOPUS	290	980	1380	2070
	Tỷ lệ công bố khoa học trong CSDL Scopus thuộc nhóm Q1, Q2 trên tổng số công bố thuộc Scopus	60%	65%	65%	65%
	Số bài báo khác	220	500	700	1000



<b>2.2</b>	<b>Sách giáo trình, chuyên khảo, tham khảo/năm</b>	<b>12</b>	<b>22</b>	<b>28</b>	<b>40</b>
	Tiếng Việt	10	18	22	30
	Tiếng Anh	2	4	6	10
<b>2.3</b>	<b>Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc tư vấn chính sách/năm</b>				
	Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích	25	50	70	100
	Số sáng chế/giải pháp hữu ích được đưa vào ứng dụng	2	5	7	10
<b>2.4</b>	<b>Sản phẩm khoa học công nghệ được chuyển giao hoặc thương mại hóa</b>	<b>4</b>	<b>7</b>	<b>10</b>	<b>20</b>
<b>2.5</b>	<b>Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu với đối tác (cấp trường trở lên)/năm</b>	<b>9</b>	<b>15</b>	<b>18</b>	<b>30</b>
	Trong nước	6	10	12	15
	Quốc tế	3	5	6	15
<b>2.6</b>	<b>Phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, xưởng thực hành công nghệ</b>				
	Trọng điểm cấp ĐHQGHN	4	7	10	20
	Hợp tác doanh nghiệp	2	4	5	10
	Hợp tác Quốc tế	2	4	5	10
	Nhóm nghiên cứu mạnh	6	10	20	40
	Giải thưởng Khoa học quốc gia, quốc tế/năm	6	8	10	20
<b>3. Hội nhập quốc tế</b>					
<b>3.1</b>	<b>Hội nhập theo tiêu chí đại học nghiên cứu</b>				
	Kinh phí nghiên cứu khoa học và dịch vụ tăng trưởng hàng năm	15%	20%	20%	30%
<b>3.2</b>	<b>Mức độ quốc tế hóa</b>				
	Số lượt sinh viên đi trao đổi/năm	75	100	150	1000
	Số lượt sinh viên nước ngoài đến trao đổi/học tập/năm	45	100	150	500
	Số lượt cán bộ đi trao đổi khoa học và giảng dạy ở nước ngoài/năm	80	100	100	300
	Số lượt cán bộ khoa học nước ngoài đến trao đổi khoa học và giảng dạy/năm	50	100	100	300
	Số chương trình liên kết đào tạo quốc tế	3	5	5	10